

# Chính sách hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: thực trạng và giải pháp

**Mai Thị Dung**

Khoa Bảo hiểm, Trường Đại học Lao động – Xã hội

**Trần Thị Hạnh**

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lao động – Xã hội

Bài viết phân tích thực trạng kết quả đạt được về (1) số lao động tham gia; (2) mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với ba nhóm đối tượng: hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng khác; (3) mức đóng bình quân hàng tháng của người lao động. Trên cơ sở thực trạng và nguyên nhân, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

## 1. Mở đầu

Bảo hiểm xã hội tự nguyện là một trong hai hình thức triển khai của chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội tự nguyện chính thức được triển khai thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, với đối tượng tham gia là người lao động trong độ tuổi lao động không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện áp dụng hai chế độ là hưu trí và tử tuất với quyền lợi hưởng cơ bản tương đương như chế độ hưu trí và chế độ tử tuất của bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Do đặc thù đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chủ yếu là người lao động tự do, mức thu nhập thấp, chính sách bảo hiểm xã hội mới chỉ thực hiện hai chế độ là hưu trí và tử tuất, nên đến năm 2017, khi số người tham gia trên lực lượng lao động thì mới chiếm khoảng 0,54% (tính trên số lực lượng lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện). Để gia tăng diện bao phủ, tạo động cơ thúc đẩy người lao động chủ động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, tạo thói quen tích lũy thông qua bảo hiểm xã hội, kể ngày 01/01/2018, chính phủ thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Trong bài viết này, nhóm tác giả tập trung đánh giá thực trạng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2018-2021 và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

## 2. Khái quát quy định của pháp luật hiện hành về hỗ trợ lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

Theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13, quy định về đối tượng tham gia, phương thức đóng, mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được mở rộng góp phần làm tăng đối tượng tham gia:

- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được mở rộng đối với người trên 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ.

- Phương thức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được bổ sung thêm, tăng sự đa dạng, linh hoạt phương thức đóng: hằng tháng, 03 tháng, 06 tháng, 12 tháng một lần, một lần cho nhiều năm về sau (tối đa 05 năm), một lần cho thời gian còn thiếu (tối đa 10 năm).

- Mức thu nhập tối thiểu lựa chọn làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được hạ xuống: từ mức bằng mức lương cơ sở xuống mức bằng mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn.

Tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện: “Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng theo tỷ lệ phần trăm (%) trên mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn; Bằng 30% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ nghèo; Bằng 25% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ cận nghèo, Bằng 10% đối với các đối tượng khác. Thời gian hỗ trợ tùy thuộc vào thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thực tế của người tham gia nhưng tối đa không quá 10 năm (120 tháng)”. Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội cho Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Điều này tác gắn liền công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội với vai trò của chính quyền, phù hợp với đặc thù từng địa phương.

### 3. Thực trạng chính sách hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

- Về số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: Trong vòng 10 năm đầu thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, từ năm 2008 đến hết năm 2018, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện mới chỉ đạt khoảng 280 nghìn người tham gia. Từ khi chính sách hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có hiệu lực, năm 2019, số người tham gia tăng mới gần 300 nghìn người nâng số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện lên 558.109 người. Nói cách khác, chỉ trong một năm triển khai, số lượng phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đã bằng 1,07 lần của cả giai đoạn 10 năm. Xét trong giai đoạn 2017-2021, kết quả triển khai chính sách bảo hiểm xã hội như sau:

**Bảng 1: Số người tham gia BHXH giai đoạn 2016 - 2020 (người, %)**

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số người tham gia BHXH bắt buộc	13.596.146	14.455.069	15.204.036	15.050.944	14.680.286
Số người tham gia BHXH tự nguyện	224.243	277.190	558.109	1.125.236	1.449.820
Tỷ lệ so với LLLĐ trong độ tuổi	0,47%	0,57%	1,14%	2,34%	2,96%
Tổng số người tham gia BHXH	13.820.389	14.732.259	15.762.145	16.176.180	16.130.106
Tỷ lệ so với LLLĐ trong độ tuổi	28,67%	30,25%	32,10%	33,26%	33,77%

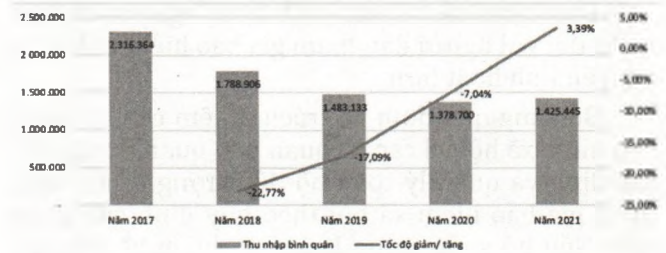
Nguồn: BHXH Việt Nam; Tổng cục Thống kê

Năm 2016 số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện mới đạt 203.871 người, nhưng tính đến hết ngày 31/12/2020 số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đã đạt 1.128.145 người, tăng gấp hơn 5,5 lần, tăng 924.274 người so với thời điểm năm 2016. Trong năm 2021, diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn tới tình hình phát triển kinh tế - xã hội nói chung và việc thực hiện các mục tiêu của ngành bảo hiểm xã hội Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trong năm vẫn đạt hơn 1,45 triệu người, tăng 28,9% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 2,96% lực lượng lao động trong độ tuổi là nông dân và lao động khu vực phi chính thức, cao hơn 1,96% so với chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 28-NQ/TW (năm 2021 là 1%).

- Về kinh phí hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: Có thể nói rằng sau khi chính sách hỗ trợ tiền đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có hiệu lực thi hành (từ 01/01/2018) cùng với sự chỉ đạo của Chính phủ và của các Bộ, ngành trong công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội là nguyên nhân chính dẫn đến việc công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội có sự đột phá trong giai đoạn này. Theo số liệu của bảo hiểm xã hội Việt Nam, số lao động được nhận hỗ trợ và số tiền hỗ trợ của Ngân sách nhà nước là 42 tỷ đồng năm 2018; 102 tỷ đồng năm 2019; 137,6 tỷ đồng năm 2020 và 290,8 tỷ đồng năm 2021. Trong đó, phân loại kinh

phí hỗ trợ theo nhóm đối tượng bao gồm: hộ nghèo, hộ cận nghèo và người tham gia khác thể hiện ở biểu đồ sau:

**Hình 1. Mức bình quân thu nhập tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện**



Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam

- Về mức bình quân thu nhập đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: Người lao động được lựa chọn mức đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với nhu cầu và khả năng đóng góp của mình. Mức bình quân thu nhập tháng lựa chọn làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện có xu hướng giảm trong cả giai đoạn 2017-2021. Mức bình quân thu nhập tháng lựa chọn làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện của năm 2017 là 2,31 triệu đồng đã giảm còn 1,42 triệu đồng/ tháng năm 2021.

Việc phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện mặc dù đã đạt được những kết quả khả quan nhưng vẫn còn khoảng cách xa so với tiềm năng. Một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng này bao gồm:

- Về phía chính sách: chính sách thiếu tính hấp dẫn, thiếu các chế độ ngắn hạn mà mới chỉ thực hiện các chế độ dài hạn. Mức hỗ trợ tiền đóng cho người tham gia nhìn chung còn thấp, thiếu linh hoạt và quy định tỷ lệ hỗ trợ cứng (hỗ trợ bằng 30%, 25% và 10% đối với người tham gia thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng khác tương ứng 46.200 đồng/tháng, 38.500 đồng/tháng và 15.400 đồng/tháng), dẫn đến tình, thành phố có điều kiện kinh tế phát triển khó hỗ trợ thêm.

- Về phía cơ quan tổ chức thực hiện: Cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện trách nhiệm thu bảo hiểm xã hội chưa xác định, nhận diện và quản lý đầy đủ được đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Mặt khác, công tác tuyên truyền bảo hiểm xã hội chưa đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền cho nên nhân dân chưa hiểu rõ sự cần thiết, lợi ích, vai trò, ý nghĩa và những nội dung cơ bản của bảo hiểm xã hội, trong đó có bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Về phía người lao động: Đa số người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có thu nhập thấp, không ổn định; một bộ phận người dân thiếu quan tâm và chưa hiểu biết về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện. Người nông dân, người lao động khu vực phi chính thức thường quan tâm đến lợi ích trước mắt, chưa hình thành văn hóa đóng góp, tích lũy khi trẻ để nhận trợ cấp khi về già.

## 4. Giải pháp tăng cường chính sách hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

### 4.1. Các giải pháp về chính sách

- Quy định cách thức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đối với người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện linh hoạt hơn.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan liên quan trong việc xác định và quản lý toàn bộ đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Nếu bổ sung trong Luật bảo hiểm xã hội quy định khi công dân bước vào độ tuổi lao động có trách nhiệm đăng ký với cơ quan bảo hiểm xã hội để nhận diện và quản lý trong cơ sở dữ liệu bảo hiểm thì việc quản lý dữ liệu của cơ quan bảo hiểm xã hội sẽ dễ dàng hơn

- Bổ sung chế độ ngắn hạn, trước mắt là chế độ thai sản đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, tăng tính hấp dẫn cho chính sách

### 4.2. Các giải pháp về tổ chức thực hiện

- Cơ quan bảo hiểm xã hội tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đối tượng tham gia, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đóng bảo hiểm xã hội.

- Phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan Thuế với cơ quan bảo hiểm xã hội, mọi phát sinh về thu nhập, tiền lương của người lao động sẽ được quản lý chặt chẽ, kịp thời.

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiết giảm chi phí quản lý nhằm củng cố và gia tăng niềm tin của người dân vào hệ thống bảo hiểm xã hội.

- Cơ quan bảo hiểm xã hội tăng cường đổi mới toàn diện nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về sự cần thiết chủ động lo cho tuổi già đặc biệt trong bối cảnh xu hướng già hóa của Việt Nam. Việc tuyên truyền cần gắn với các nhóm đối tượng đặc thù khác nhau để nhân dân hiểu rõ sự cần thiết, lợi ích, vai trò, nội dung, quyền, lợi ích và nghĩa vụ tương ứng khi tham gia bảo hiểm xã hội./

### Tài liệu tham khảo

Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Báo cáo quốc hội các năm 2017-2021

Chính phủ, Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện

ILO, (2020), "Report: A focus on families: A short-term benefit package for the extension of multil-tiered social

ILO- Japan Multil-bilateral, (2016), "Technical report of the pilot programme for increasing income security of rural youth in bayankhongor and uvurkhangai aimags of Mongolia

## Phân tích một số chỉ tiêu phản ánh rủi ro...

Tiếp theo trang 73

hình thức huy động vốn của DN từ nguồn tín dụng ngân hàng và phát hành cổ phiếu huy động vốn và các công cụ tài chính trên thị trường tài chính Việt Nam có thể giúp doanh nghiệp huy động vốn nhàn rỗi của các nhà đầu tư. Hình thức huy động này có thể thông qua trái phiếu DN hoặc thuê tài chính vì đây là ngành có nhu cầu lớn về đầu tư TSCĐ và chủ động xây dựng kế hoạch huy động vốn kinh doanh. Giải pháp này sẽ giúp DN gia tăng nguồn vốn huy động để DN chủ động hơn trong hoạt động của mình.

### 5. Kết luận

Rủi ro tài chính doanh nghiệp không chỉ ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp mà những rủi ro trên còn tác động tới tốc độ tăng trưởng, ảnh hưởng đến giá trị của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp xây lắp có sản phẩm đặc thù khác biệt đối với các doanh nghiệp khác nên nhu cầu về vốn chịu tác động rất lớn từ các biến động

của nền kinh tế như chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, sự luân chuyển của dòng tiền. Ngoài những rủi ro pháp lý, rủi ro mua hàng thì những rủi ro trong thanh khoản và khả năng sinh lời cũng được chủ doanh nghiệp quan tâm để đưa ra các quyết định trong chiến lược quản trị rủi ro trong doanh nghiệp./

### Tài liệu tham khảo

<https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/phan-tich-rui-ro-tai-chinh-tai-doanh-nghiep-338322.html>

<https://www.mt.gov.vn/vn/tin-tuc/8485/quan-tri-tai-chinh-cua-cac-doanh-nghiep-xay-lap-nganh-gtvt-trong-cong-tac-tang-cuong-quan-ly-clctgt-nam-2011.aspx>

<https://moc.gov.vn/tl/tin-tuc/66460/tong-quan-ve-rui-ro-va-quan-ly-rui-ro-trong-linh-vuc-dau-tu-xay-dung.aspx>